

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - HÀ NỘI**

Số: **826/2026/QĐST-DS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 538/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V1**

Địa chỉ: **Số H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Bà **Vũ Ngọc Á** – Cán bộ Ngân hàng

Bị đơn: Ông **Lê Đức K**, sinh năm 1984

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: **Thôn B, xã T, thành phố Hà Nội**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phạm Thị T1**, sinh năm 1959
- Ông **Lê Văn V**, sinh năm 1959
- Chị **Lê Nguyễn Khánh L**, sinh năm 2007

Đều trú tại: **Thôn B, xã T, thành phố H**

Người đại diện theo ủy quyền của bà **T**, ông **T1**, bà **V**, chị **L**: Ông **Lê Đức K**, sinh năm 1984. Nơi cư trú: **Thôn B, xã T, thành phố Hà Nội**

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nợ: **Ngân hàng TMCP V1** và ông **Lê Đức K** thông nhất: **Ngân hàng N** và ông **Lê Đức K**, bà **Nguyễn Thị Tuyết K1** Hợp đồng cho vay số LN2309250358876 ký ngày 03/10/2023, cụ thể:

- Số tiền cho vay: 2,159,000,000 đồng (*Hai tỷ một trăm năm mươi chín triệu đồng*)

- Thời hạn cho vay: 120 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay.

- Mục đích sử dụng : Vay tiêu dùng: mua sắm nội thất gia đình

Tài sản bảo đảm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 21 (cũ: 12(1), tờ bản đồ số 56 (cũ:4), tại địa chỉ: **Thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội** đang được sở hữu và sử dụng bởi ông **Lê Đức K** và bà **Nguyễn Thị T** là đất ở tại nông thôn, diện tích 155m²

Tạm tính đến ngày 23/06/2026, Ông **Lê Đức K** và bà **Nguyễn Thị T** đã trả được nợ gốc: 575,744,000 đồng, nợ lãi: 636,542,014 đồng; Ông **K** bà **T** còn phải trả:

Nợ gốc: 1,583,256,000 đồng,

Nợ lãi: 47,169,253 đồng.

Tổng: 1,630,425,253 đồng

(Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm ba mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi ba đồng)

2. Về phương án trả nợ: Hai bên thống nhất chậm nhất ngày 23/7/2026 ông **Lê Đức K**, bà **Nguyễn Thị T** có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 320.000.000 đồng; Chậm nhất ngày 23/8/2026 ông **Lê Đức K**, bà **Nguyễn Thị T** có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản gốc, lãi còn lại.

Ông **Lê Đức K** và bà **Nguyễn Thị T** còn phải thanh toán lãi phát sinh trên dư nợ kể từ ngày 24/6/2026 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông **Lê Đức K**, bà **Nguyễn Thị Tuyết vi P** bất kỳ kỳ trả nợ nào thì **Ngân hàng TMCP V1** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 21 (thửa cũ: là 12(1), tờ bản đồ số 56 (tờ bản đồ cũ là:4), tại địa chỉ: **Thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội**, là đất ở tại nông thôn, diện tích 155m² được **UBND huyện Đ**, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông **Lê Văn V** ngày 03/6/2014. Ngày 04/6/2020 ông **Lê Văn V** đã chuyển nhượng cho ông **Lê Đức K** và bà **Nguyễn Thị T** theo Hợp đồng số 1168/2020/HĐCN lập tại **Văn phòng C** để thu hồi toàn bộ các khoản nợ của ông bà tại **V2**.

Nếu số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho **V2** hoặc tài sản bảo đảm không xác minh, không kê biên được để thi hành án thì ông **Lê Đức K** và bà **Nguyễn Thị T** vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho **V2** cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

4. Án phí: Ông **Lê Đức K** và bà **Nguyễn Thị T** phải nộp 30.457.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Nhà nước.

Ngân hàng TMCP V1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả 37.500.000 đồng (ba bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008421 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKND Khu vực 7 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Vũ Thu Trang